

**TÔN GIÁO - VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN**

**BƯỚC KHỞI ĐẦU CỦA SỰ DU NHẬP QUAN ĐIỂM MACXÍT VỀ  
TÔN GIÁO VÀO VIỆT NAM: TRƯỜNG HỢP TỔNG BÍ THƯ ĐẢNG  
CỘNG SẢN ĐÔNG DƯƠNG *Nguyễn Văn Cừ***

ĐỖ QUANG HUNG<sup>(\*)</sup>

1. Những ý kiến đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam về vấn đề tôn giáo.

Tháng 5-1929, trong *Chính cương tối đa của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên* (HVNCMTN) sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ nhất ở Thượng Hải, khi nói về *Chiến lược chính sách* gồm các “yêu cầu căn bản và khẩn cấp” của tổ chức tiên thân quan trọng nhất này của Đảng ta, có đoạn: “Đánh đổ giáo dục của thống trị giai cấp, đề xướng và sắp đặt cách mệnh giáo dục. Giáo dục bắt buộc, tốn phí Nhà nước chịu phụ trách.

u. Cấm chỉ tôn giáo can dự vào giáo dục”.<sup>(1)</sup>

Tháng 6 - 1929 tại Hà Nội xuất hiện Đông Dương Cộng sản Đảng, trong *Tuyên ngôn* của Đảng này, phần nói về *Xã hội Cộng sản*, sau khi đưa ra các quan niệm về chế độ tư hữu của tư bản, chế độ công hữu và “làm theo năng lực, hưởng theo sức lao động”, sự công bình xã hội thực sự, có viết: “Người cộng sản không phân biệt tổ quốc, nòi giống, gia đình nào cả, ai cũng như ai, loài người sẽ cùng nhau lao động cộng tác, đoạt quyền tạo hoá (ĐQH - nhấn mạnh) gây dựng một cõi đời tốt đẹp”.<sup>(2)</sup>

Nghĩa là một cách hiểu “xã hội cộng sản” cổ điển theo khuôn mẫu nhận thức lúc đó và vấn đề tôn giáo ẩn chứa bên trong với một diễn ngôn gián tiếp.

Đáng chú ý là, *vấn đề tôn giáo* đã hiện ra một cách rõ nét hơn, ngay trong chỉ thị thuộc số đầu tiên khi Đảng ta mới thành lập, đó là Chỉ thị ngày 18/11/1930 về việc thành lập *Hội Phản đế Đông minh*, tiên thân của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hiện nay. Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam không những khẳng định việc tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng của quần chúng mà còn đi thẳng vào một vấn đề then chốt: tấn công vào luận điệu vu cáo cộng sản là “tam vô: vô chính phủ, vô gia đình, vô tôn giáo”. Văn kiện này ghi rõ: “Vì những chỗ đó đã có cao trào hay phong trào cách mạng thì phải lãnh đạo từng tập thể sinh hoạt hay tập đoàn của nhà dân gia nhập một tổ chức cách mạng, để dần dần cách mạng hoá quần chúng và *lại bảo đảm tự do tín ngưỡng của quần*

\*. GS.TS., Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

1. Xem: *Văn kiện các tổ chức tiên thân của Đảng*, Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương xuất bản, HN, 1977, tr. 116.

2. *Văn kiện các tổ chức tiên thân...* Sđd. tr. 199.

*chúng*, đập tan luận điệu phản tuyên truyền cộng sản là vô chính phủ, vô gia đình, vô tôn giáo. Và lại, trong tình tập thể ấy, từ trước có kẻ tốt người xấu, nay do tuyên truyền vận động mà họ hiểu ra lẽ phải, đi đến hiểu biết đau khổ nước mất nòi tan, từ đó mà tiến lên, không để họ làm nhảm nhí theo tập quán, mà phải lãnh đạo họ dần dần. Như vậy là lấy quần chúng tổ chức quần chúng, lấy quần chúng tuyên truyền quần chúng, dần dần đưa đức tin của quần chúng vào cách mạng, đưa lí luận cách mạng giáo hoá quần chúng dần dần...<sup>(3)</sup>.

Từ năm 1935, Đảng ta đã có bề dày kinh nghiệm hơn trong chỉ đạo hai nhiệm vụ chiến lược *phản đế* và *phản phong*. Từ đó, việc xây dựng mặt trận dân tộc thống nhất đã dần hình thành. Theo đó, cũng như các nhiệm vụ vận động các tổ chức xã hội, các đảng phái, các tầng lớp nhân dân..., *vấn đề tôn giáo* đã hiện ra rõ hơn trong các văn kiện của Đảng, tất nhiên ở khía cạnh cuộc vận động chính trị.

Tháng 3 - 1935, trong Nghị quyết chính trị của Đại hội Toàn quốc lần I của Đảng ở Ma Cao, phân nghị quyết về "công tác phản đế liên minh" có đoạn: "không phân biệt chủng tộc, nam nữ, tôn giáo, xu hướng chính trị, đảng phái hễ ai có tính chất phản đế là có thể kéo vào mặt trận phản đế".<sup>(4)</sup> Đến tháng 10-1936, trong tài liệu *Chung quanh vấn đề chính sách mới của Mặt trận nhân dân phản đế*, có đoạn: "Nhiệm vụ lập Mặt trận nhân dân phản đế rộng rãi chính để bao gồm các giai cấp, các đảng phái, các đoàn thể chính trị và

tín ngưỡng tôn giáo khác nhau, các dân tộc ở xứ Đông Dương *đến cùng nhau tranh đấu để đòi những điều dân chủ đơn sơ*..."<sup>(5)</sup>

Kể từ khi cuộc Chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ, tháng 9-1939, cùng với ngọn trào giải phóng dân tộc trực tiếp đã có thể mở ra, Đảng ta đứng phải vấn đề tôn giáo trực tiếp hơn.

Trong *Nghị quyết Trung ương lần thứ 6* (ngày 6, 7, 8 tháng 11 - 1939) do chính Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ chủ trì ở Sài Gòn, trong phần nói về *Các Đảng phái và xu hướng chính trị* (mục 6), lần đầu tiên văn kiện của Đảng có những nhận định cụ thể về tình hình 2 tôn giáo sau:

"d. *Đạo Cao Đài và Phật giáo*: Quần chúng có ít nhiều tinh thần phản đế theo đạo Cao Đài và Phật giáo khá nhiều, nhất là sau những năm khủng bố 1930-1931, đạo Cao Đài ở Nam Kỳ kéo theo được một số đông tín đồ, nhưng nhờ thực tế thức tỉnh và nhờ phong trào dội lướt nên có một số quần chúng theo các đạo ấy đã dần nhận rõ con đường đoàn kết tranh đấu để đòi quyền lợi, đã có một số ra khỏi đạo Cao Đài. Đế quốc chủ nghĩa Pháp rất xảo quyệt, đã tìm

3. Xem: *Văn kiện Đảng về Mặt trận dân tộc thống nhất từ 1930 - 1970*, Nxb Sự Thật, HN, 1971, tr. 22 - 23. Sau này, đặc biệt sau năm 1954, luận điệu vu cáo cộng sản *tam vô* của các thế lực đế quốc và tay sai có khác một chút: ngoài *vô gia đình, vô chính phủ, vô tôn giáo*, là *vô tổ quốc*.

4. Xem: *Văn kiện Đảng. Toàn tập*, tập 5, Nxb CTQG, 2000, tr. 610.

5. Xem *Văn kiện Đảng. Toàn tập*, tập 6 (1936-1939), Nxb CTQG, 2000, tr. 144. Thời kỳ Mặt trận dân chủ Đông Dương 1936 - 1939, khẩu hiệu tranh đấu của Đảng và Mặt trận này chỉ nhằm đòi "Tự do - Cơm áo - Hoà bình".

cách lợi dụng những trào lưu tôn giáo để mê hoặc quần chúng. Những hội Chấn hưng Phật giáo ở Bắc - Nam - Trung do bọn hủ quan và địa chủ cầm đầu có kế hoạch của số mật thám chính trị bấy về. Còn bọn lãnh tụ Cao Đài lúc trước phần nhiều bị bọn tay sai Nhật mua chuộc và lừa gạt quần chúng tín đồ theo ảnh hưởng thân Nhật. Từ khi đế quốc Pháp dự vào chiến tranh, vì tình hình căng thẳng và vì đế quốc Pháp tìm cách mua chuộc nhiều lãnh tụ Cao Đài lúc này đã trở nên tay sai của đế quốc Pháp, hô hào tín đồ ra đầu quân giúp "mẫu quốc", che đậy sự tráo trở đầu hàng của đế quốc Pháp của chúng bằng câu: "Đi lính để quay súng đánh Tây". Tóm lại bọn lãnh tụ Cao Đài là bọn bản tính phản động, đòn xóc hai đầu, tùy theo cơ hội hoặc làm tay sai cho đế quốc này, hoặc bán mình cho đế quốc khác, còn quần chúng tín đồ Cao Đài thì có ít nhiều tinh thần phản đế, nhưng còn nhiều mê tín thần bí nên bị bọn lãnh tụ xỏ lá lường gạt".<sup>(6)</sup> Phải nói là những nhận định này cơ bản là đúng với tình hình đạo Cao Đài trong một số thời điểm hai cuộc kháng chiến chống Pháp - Mỹ sau này. Riêng vấn đề *Chấn hưng Phật giáo*, chắc hẳn Đảng ta lúc đó chưa có điều kiện nhìn nhận toàn diện hơn về phong trào này. Văn bản này cũng có những nhận xét về "phe Đảng Thiên địa hội, Phan Xích Long (ở Nam Kỳ), Bạch Tuyết Cừu (ở Bắc Kỳ)... khá độc đáo.

Cũng chưa bao giờ như trong văn kiện của Hội nghị Trung ương lần thứ 6, *Vấn đề dân tộc* được trình bày khá toàn diện, có nhiều nhận định sắc sảo về tình hình nhiều nhóm dân

tộc thiểu số như "Miên, Lào (ở Việt Nam), Thượng, Mường, Chàm, Mán...".

Phần hướng dẫn *Tranh đấu* của tài liệu này còn có những gợi ý công tác tôn giáo: "Ngoài ra, cần phải khôn khéo chui vào làm việc trong hội quần chúng của Chính phủ hoặc bọn tư sản địa chủ phản động tổ chức ra như đạo chính sách, Phật học, Hướng đạo đoàn v.v... Phải căn cứ vào những điều lệ, chương trình hoặc lời tuyên bố phỉnh phờ của bọn lãnh tụ mà thúc giục quần chúng đòi thi hành và vạch mặt nạ bọn lãnh tụ, đồng thời giác ngộ quần chúng chống đế quốc chiến tranh và chống đế quốc".<sup>(7)</sup>

Ở cuối Nghị quyết này trong *Tái bút* (nguyên văn viết P. S) còn ghi thêm: "Theo kinh nghiệm của Đảng Đệ Tam diệt trừ chủ nghĩa Tờốttxky đến tận gốc, phải bài xích phái tay chân Cường Để như đạo Cao Đài, chẳng hạn thân Nhật đánh lừa quần chúng với câu: "Độc lập, tự trị-Đồng văn, đồng chủng" mà kéo dân chúng bài Pháp rước Nhật làm thầy"<sup>(8)</sup>.

Liên quan đến các nhóm phái tôn giáo ở Nam Bộ, nhất là Cao Đài, ít nhất đến trước khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời (2-9-1945) trong các văn kiện của Đảng, ta còn thấy những dòng thế này, có sự "điều chỉnh" hơn: "Vận động đồng bào theo đạo: - Mở rộng Việt Nam Công giáo cứu quốc hội. Cần cảm hoá quần chúng các hội Phật Thầy và Cao Đài",<sup>(9)</sup> đó là văn bản Hội nghị toàn quốc của Đảng Cộng

6. Văn kiện Đảng - Toàn tập, tập 6, Sđd. tr. 527 - 528.

7. Xem: Văn kiện Đảng - Toàn tập. Tập 6, Sđd. tr. 550.

8. Sđd. tr. 572.

9. Xem: Văn kiện của Đảng về Mặt trận dân tộc thống nhất (từ 1930-1970), Nxb Sự Thật, 1971, tr. 25.

sản Đông dương về việc tiến tới Tổng khởi nghĩa toàn quốc, ngày 15 - 8 - 1945. Rõ ràng, những văn bản này đã thấm rõ hơn tư tưởng đại đoàn kết dân tộc, tôn giáo của Hồ Chí Minh.

Nhưng tất cả những tư liệu mà chúng tôi cố gắng sưu tập lại trong thư tịch văn kiện của Đảng Cộng sản Việt Nam trước năm 1945 cũng chỉ phản ánh *mặt chính trị* trong nhân quan tôn giáo và công tác tôn giáo của Đảng.

Còn thực chất nhận thức về tôn giáo thì sao?

Có lẽ tư liệu mà chúng tôi giới thiệu ngay dưới đây là một trong những tư liệu *tiêu biểu và rất hiếm*, phản ánh nhận thức vấn đề tôn giáo của Đảng ta lúc đó.

*Báo Giải phóng, cơ quan lí luận và tuyên truyền của Xứ uỷ Nam Kỳ có thể coi là tờ báo cách mạng tiêu biểu còn lại sau Cao trào 1930 - 1931. Bảo tàng Cách mạng Việt Nam hiện lưu được 21 số, trong đó có 14 số bản gốc bằng tiếng Việt, 7 số là bản dịch ra Pháp ngữ (có dấu của Sở Mật thám Pháp ghi rõ dịch để nghiên cứu). Các số báo này vào năm 1934-1935 và 1936. Báo Giải phóng, in thạch, 4 trang, có khi 6 trang, khổ 21 x 30cm. NXB Lao Động năm 1998 có cho in cuốn sách sưu tập Báo Giải Phóng 1934-1936 do Bảo tàng Cách mạng Việt Nam giới thiệu. Tư liệu mà chúng tôi đề cập nằm ở số 15 (6-1934) của báo Giải phóng. Không có tên tác giả.*

Có thể nói với bài *Cách mạng và tôn giáo* trong số báo này, lần đầu tiên chúng ta thấy rõ một cách hiểu *tả khuynh* mà cũng thô sơ rất phổ biến trong các đảng cách mạng, ảnh hưởng cái nhìn tôn giáo theo kiểu Xô Viết lúc đó, tuy rằng việc đó là cần thiết trong vận động quần chúng cách mạng.

“Tôn giáo là 1 thứ thuốc mê làm cho công nông xa con đường tranh đấu...”

Tôn giáo không phải là 1 đoàn thể cách mạng. Trái lại, tôn giáo là đội tiền quân của Tư bản phản cách mạng”.<sup>(10)</sup>

Tác giả đã phân tích cụ thể sự câu kết, lợi dụng các thế lực phản động trong các tôn giáo của chủ nghĩa thực dân Pháp, chủ yếu từ thực tiễn xứ Nam Kỳ:

“Nền thống trị muốn sống lâu, muốn vững chãi, lẽ tất nhiên phải có các đoàn thể phụ thuộc ủng hộ chung quanh mình như đế quốc Pháp chiếm cứ cai trị xứ Đông Dương ta đương giữa lúc mà phong trào công nông chúng ta đương hăng hái về giai cấp tranh đấu. Một mặt thì chúng nó dùng võ lực đàn áp như (bắt bớ, bắn giết, tù đầy, tra khảo v.v...) để tiêu diệt phong trào tranh đấu của chúng ta, còn một mặt nữa là chúng nó tầm những phần tử phản cách mạng, lập tôn giáo này, đoàn thể khác, như (Cao Đài, Hội Bốn chữ<sup>(11)</sup> v.v...) để nhồi sọ lừa gạt ngăn đường đón ngõ hầu phục những phần tử chưa giác ngộ, ngăn trở và tiêu diệt tinh thần tranh đấu của công - nông chúng ta, rất xảo quyệt, rất dã man cho quân cướp của giết người...”.<sup>(12)</sup>

Từ đó, tác giả đã nêu ra một số mục tiêu tranh đấu, kêu gọi quần chúng cách mạng nâng cao ý thức

10. Xem: Bảo tàng Cách mạng Việt Nam, *Giải phóng 1934, 1935, 1936*. Nxb Lao Động, 1998, tr. 20.

11. Theo chú thích của Mật thám Nam Kỳ, ngày 29/6/1934 thì "Hội Bốn chữ" là Hội có 4 chữ, có thể là các chữ Y. M. C. A, tiếng Anh *Young men christian Association* viết tắt là của Hội của những Thanh niên Thiên chúa giáo.

12. Xem: *Giải phóng 1934, 1935, 1936*, Sđd. tr. 21 - 32.

cách mạng dù người có tôn giáo hay không có tôn giáo trước các thủ đoạn thâm độc của kẻ thù trong việc lợi dụng tôn giáo.

“Này anh em chị em công - nông ! Đành rằng đoàn thể của chúng ta chưa đông đúc, thế lực kém, hễ bước ra một tác đường là chắc chắn rằng binh vực quyền lợi của công - nông. Còn ăn chay niệm chú khẩn Phật cầu trời là một cái tiếng lừa gạt nhồi sọ của phường phản cách mạng mà! Chớ có trời Phật nào mà binh vực quyền lợi cho chúng ta được đâu? Muốn giải thoát kiếp trâu ngựa của chúng ta, muốn binh vực lợi quyền cho chúng ta, chỉ có một phương là liệu kết đoàn thể cách mạng tự mình tranh đấu để binh vực lợi quyền cho mình...”

Làm cho anh em chị em hiểu rõ rằng: từ mình nỗ lực tranh đấu mới mong giải thoát kiếp trâu ngựa của chúng mình được.

Đả đảo các tôn giáo là phường phản cách-mạng”.<sup>(13)</sup>

Những quan điểm *tả khuynh* như thế về vấn đề tôn giáo là điều rất dễ hiểu trong bối cảnh thời đại, trong trường ảnh hưởng trực tiếp các quan điểm từ Liên Xô và các đảng anh em những năm 30.

Thực đặc biệt, tư tưởng *tả khuynh* về vấn đề tôn giáo trong cách mạng Việt Nam sớm được khắc phục bởi sự xuất hiện của Hồ Chí Minh ở Cao Bằng mùa xuân năm 1941 và đặc biệt khi Người chủ trì Hội nghị Trung ương lần thứ 8, mở cánh cửa quyết định cho thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám.

Một sáng kiến vĩ đại của Người - chủ trương thành lập Mặt trận Việt

Minh (19/5/1941 - mà một nhà sử học nước ngoài đánh giá đó là sự kiện “Thành lập lần thứ 2 của Đảng Cộng sản Đông dương”) - có liên quan rất nhiều đến sự điều chỉnh cách nhìn vấn đề tôn giáo trong cách mạng Việt Nam.

Ở đây có thể nêu thêm một cứ liệu. Nếu như trong *Chương trình* của Việt Minh, có chủ trương “Về mặt chính trị: 1. Thi hành phổ thông đầu phiếu; 2. Ban bố các quyền tự do dân chủ: tự do tư tưởng, tự do tín ngưỡng, tự do tổ chức...” thì trong *Điều lệ* ghi rõ: “Việt Minh kết nạp từng đoàn thể, không cứ đảng phái, đoàn thể nào của người Việt Nam, không phân biệt giai cấp, tôn giáo và xu hướng chính trị, hễ thừa nhận mục đích và chương trình của Việt Minh và được Tổng bộ Việt Minh thông qua thì được gia nhập Việt Minh”.<sup>(14)</sup>

Nhưng chắc rằng để có những nhận thức đúng đắn đó, trong hành trình nhận thức lí luận về tôn giáo của Đảng Cộng sản Việt Nam cũng phải có những học trò xuất sắc của Hồ Chí Minh như Nguyễn Văn Cừ và sau đó là nhiều nhân vật khác.

2. Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Đông dương với “*Tôn giáo với xã hội loài người*”

*Một đóng góp xuất sắc của Nguyễn Văn Cừ là hoạt động báo chí. Báo Dân chúng mà ông cùng với Hà Huy Tập sáng lập và điều khiển là một trong những tờ báo cách mạng nổi tiếng nhất của Đảng ta trước năm 1945. Tờ báo hiếm có xuất bản công khai giữa Sài Gòn, với 80 số (từ 22-7-1938 đến 30-8-1939), có đến*

13. Xem: *Giải phóng 1934, 1935, 1936*, Sđd. tr. 22-23.

14. *Tư liệu tham khảo lịch sử Cách mạng cận đại Việt Nam* do Trần Huy Liệu chủ biên, Nxb Văn Sử Địa, HN, 1957, Tập 10, tr. 43 – 44.

hàng chục bài của Nguyễn Văn Cừ, chủ yếu dưới bút danh Trí Thành.

Sở dĩ chúng tôi gọi bài báo quan trọng trên đây là “tác phẩm” vì tầm vóc của nó, với độ dài kín 3 trang báo khổ lớn, đăng tải trong số Xuân 1939, số báo đặc biệt nhất của Dân Chúng. Nếu in sách, chắc cũng ngót 40 trang. Chúng tôi phát hiện tác phẩm này trong Lưu trữ Trung ương Đảng (Bảo tàng Cách mạng Việt Nam cũng có một bản gốc, Kí hiệu: BTCM 6600/Gy 4959). Các đoạn trích dưới đây đều lấy từ tác phẩm này.

Toàn bộ tác phẩm gồm 7 phần: phần Mở đầu bàn về *định nghĩa, chức năng của tôn giáo* theo các quan niệm của triết học duy tâm và duy vật mác xít (không đánh số) và 6 phần tiếp theo, được đánh số như sau:

1. *Cội rễ của tôn giáo.*
2. *Tôn giáo trong thời đại thượng cổ.*
3. *Tôn giáo trong thời đại phong kiến.*
4. *Tôn giáo trong thời đại tư bản.*
5. *Tôn giáo ở Đông dương.*
6. *Tôn giáo với xã hội chủ nghĩa.*

Nhìn vào kết cấu tác phẩm này của Nguyễn Văn Cừ, rõ ràng vấn đề đặt ra rộng hơn cuốn *Tôn giáo* (1932) và tất nhiên cả cuốn *Phê bình Phật giáo* (1938) của Nguyễn An Ninh.

Câu mở đầu tác phẩm, dù không ghi chú là diễn đạt lại (không hoàn toàn là câu văn dịch) câu nổi tiếng của C. Mác trong *Lời nói đầu* cuốn *Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hêghen*, nhưng bạn đọc am hiểu đều biết gốc rễ những dòng sau đây của Nguyễn Văn Cừ: “Tôn giáo là hiện tượng không đúng, huyền hoặc trong sự hiểu biết của người ta đối với vật thiên nhiên mà người ta ở trong một thời kì lịch sử

nhất định, chưa có thể hiểu biết được, thì người ta cho là thần thánh ma quỷ vân vân. Song ở xã hội có giai cấp thì tôn giáo lại là khí cụ của kẻ bóc lột để mê hoặc giai cấp bị bóc lột. Bởi vậy cho nên tôn giáo tùy theo lịch sử tiến hoá mà thay đổi nội dung và đồng thời nó tùy theo khoa học phát đạt mà tiêu mòn và tụt tụt tích”.

Rõ ràng lối diễn đạt “định nghĩa” tôn giáo như vậy, cũng như việc vạch rõ xu thế lịch sử của hiện tượng tôn giáo ở Nguyễn Văn Cừ một mực, dễ hiểu hơn cách trình bày theo lối *dịch sát câu văn của Mác* ở Nguyễn An Ninh.<sup>(15)</sup>

Nhưng mục đích nghiên cứu của Nguyễn Văn Cừ mới là chỗ khác biệt với Nguyễn An Ninh: một bên nặng về quan hệ xã hội của tôn giáo, còn một bên nghiên cứu theo kiểu “tôn giáo học”, ít ra cũng từ lối tiếp cận triết học tôn giáo.

Tác giả nói rõ ngay mục đích nghiên cứu của mình: “Ở xã hội này mà ít nhất là xã hội Việt Nam ta, rất ít người hiểu chỗ đó (“quá trình phát triển và tiêu diệt tôn giáo” - ĐQH chú), đại đa số nhân dân vẫn phân vân chỗ tôn giáo, bán tín bán nghi ở tôn giáo, vì trong xã hội kim tiền thống trị này lại càng khiến cho đám dân nghèo bán tín bán nghi nơi tôn giáo...”.

Nguyễn Văn Cừ, trong khi vạch rõ tôn giáo làm “trở ngại biết bao nhiêu tiền đồ phát triển của một dân tộc”, đã nói ngay: “Song tác giả vẫn công nhận rằng ở trong một đôi trường hợp, tôn giáo vẫn có một phần triết

15. Tham khảo bài viết của chúng tôi: Nguyễn An Ninh và tôn giáo, Tạp chí Triết học, số 11 – 2003.

học và đạo đức từ thiện”. Đây là điểm sáng, táo bạo của ông khiến chúng ta thích thú.

Đồng thời, sau khi vạch rõ sai lầm của các quan điểm triết học duy tâm về tôn giáo, ông cũng khẳng định ngay: “chỉ có triết học duy vật mới có phương pháp cải tạo xã hội từ dưới gốc rễ. Đứng về quan điểm ấy tác giả sẽ bàn về vấn đề tôn giáo với xã hội loài người”.

### 2.1. Cội rễ tôn giáo

Khi bàn về vấn đề này, có phần giống với lập luận của Nguyễn An Ninh, Nguyễn Văn Cừ khẳng định lại sự phân tích của chủ nghĩa Mác về những nguyên nhân xuất hiện tôn giáo, Ông cũng rất chú ý sự xuất hiện *cái thiêng*: thời điểm mà con người biết sùng bái và thờ phượng những biểu tượng thiêng liêng ấy. Và kết lại, ông dịch câu cơ bản của Ăngghen. Ông viết: “Ăngghen nói trong quyển *Anti Duhring*: “Tôn giáo không phải là cái gì khác, nó là một thứ biểu hiện huyền hoặc trong đầu óc của người ta của sức tự nhiên tồn tại với người ta, những cái sức đất cũng cho là biểu hiện không phải đất ngoài tự nhiên”.

Nếu so sánh với câu văn dịch hiện nay (Xem *C.Mác, Ph. Ăngghen Toàn tập*, T. 1. Nxb CTQG, HN, 1995, tr. 437) thì thấy cơ bản ý tứ giống nhau, dù câu văn dịch của Nguyễn Văn Cừ mộc mạc hơn.

Đặc biệt hơn, để phân tích sâu thêm khía cạnh xã hội của tôn giáo, Nguyễn Văn Cừ chọn tác phẩm quan trọng của V. Lênin, cuốn *Chủ nghĩa xã hội và tôn giáo* lần đầu tiên giới thiệu với độc giả Việt Nam. Ông viết

rất rõ: “Trong bài “Xã hội chủ nghĩa với tôn giáo”, Lênin nói: “Giai cấp bị bóc lột không đủ sức tranh đấu chống với kẻ bóc lột, thành thử không tránh khỏi sự nảy ra tín ngưỡng vào một đời tinh thần tốt hơn cũng như người đời xưa không đủ sức mạnh tranh đấu chống với tự nhiên, mà nảy ra tín ngưỡng thần thánh ma quỷ vân vân”.

Trong vấn đề nảy sinh tôn giáo, tác giả cũng hiểu rõ tầm quan trọng của *quan niệm về linh hồn*, mà ông coi đó cũng là một “cội rễ của tôn giáo”.

Trên quan điểm duy vật, ông khẳng định bản chất quan niệm linh hồn như sau:

a) “Cái tinh thần mà người ta thường gọi là linh hồn là do sự động dẩy của một bộ phận trong cơ thể (vật chất) mà ra”. Không có “linh hồn” sống ngoài hoạt động của xác thịt.

b) Vì khoa học còn chưa phổ biến nên “người ta không hiểu rõ quan hệ giữa vật chất và tinh thần, nghĩa là giữa xác thịt với linh hồn, nên sự mê tín cứ lớn dần trong óc người ta”.

c) “Khi nào của cải và chính quyền không nằm trong tay một số ít người, mà nó về tay quần chúng nắm, thì thuyết trời phật cũng sẽ bị tiêu vì người ta sẽ hiểu giàu nghèo do họ định đoạt”.

Từ đó, tác giả đề cập điểm then chốt: luận đề *Tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân* của Mác. Lê dĩ nhiên, dù thế nào, Nguyễn Văn Cừ cũng không thể không khẳng định “quan điểm chính thống”: “Tôn giáo càng sống bao nhiêu thì càng hại cho tiến

bộ của nhân loại bấy nhiêu. Bởi vậy Marx, nhà sáng lập ra triết học duy vật biện chứng nói: “Tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân”.

### **2.2. Tôn giáo trong thời đại thượng cổ**

Do nắm chắc quan điểm duy vật lịch sử, Nguyễn Văn Cừ đã tóm lược một cách rất sắc sảo những luận điểm của Mác và Ăngghen về tôn giáo nguyên thủy. Ông viết: “Thời thượng cổ tôn giáo vẫn có, nhưng nó *do trí thức thấp kém của người ta mà nảy ra* chứ không có ai cố ý bày vẽ thêm bớt để lừa gạt ai hay để thống trị ai vì xã hội lúc ấy chưa có giai cấp”.

Nguyễn Văn Cừ còn có cái nhìn sâu sắc hơn, cập nhật hơn: “Tôn giáo lúc đó, là theo *tính chất mê tín tự nhiên* của trình độ xã hội lúc bấy giờ”. Và thời nguyên thủy là một xã hội “có nhiều thần”.

### **2.3. Tôn giáo trong thời đại phong kiến**

a) “Tôn giáo trở thành tôn giáo của Nhà nước nghĩa là do Nhà nước phụng sự. Tôn giáo ở thời đại phong kiến bày đặt ra lí tưởng chuyên chế hệ như bộ máy thống trị chuyên chế của chế độ phong kiến vậy”.

b) Riêng với Công giáo, tác giả có nhận xét rất sát với lịch sử của đạo này: “Về trung thế kỉ, bọn phong kiến *lợi dụng đạo Thiên chúa* để chinh phục các dân tộc khác, để mở mang lãnh thổ của mình như các cuộc chiến tranh của đội quân thập tự (croisades) kéo dài từ 1096-1270”.

Rõ ràng là, sự hiểu biết của tác giả về lịch sử tôn giáo, trước hết với đạo Kitô là rất cơ bản, chứng tỏ khả

năng đọc rất rộng của tác giả, chủ yếu qua tiếng Pháp.

### **2.4. Tôn giáo trong thời đại tư bản**

Cũng trên căn bản của lối phê bình tôn giáo từ kinh tế, tác giả đánh giá “nền kinh tế của xã hội tư bản do lực lượng hàng hoá thống trị một cách *bồng nhiên*”, nên về mặt tôn giáo “phải chiếu vào sự tín ngưỡng trừu tượng, không phân biệt các thứ thần phật cổ kéo hết các hạng người tin tưởng khác nhau vào việc tự do bán sức lao động ở xã hội tư bản”.

Đây là một nhận xét khá kinh tế và chủ nghĩa vật giáo hàng hoá thời đại tư bản chủ nghĩa và “tính cách toàn cầu” về tôn giáo mà giai cấp tư sản hướng tới.

Quả vậy, Nguyễn Văn Cừ đã thấy rõ *vấn đề đạo Tin Lành*, mà ông phụ chú là *Protestant*, là đặc trưng vấn đề tôn giáo trong thời đại tư bản chủ nghĩa.

Ông có 2 nhận xét khá cơ bản về đạo Tin Lành:

a) “Cuộc cách mạng tư bản hồi thế kỉ XVIII đã đánh đổ chế độ phong kiến, và phản đối tôn giáo chuyên chế của phong kiến. Giai cấp tư bản đòi nhà thờ với trường học phải rời nhau ra và họ cần có một thứ tôn giáo khác thích hợp hình thức tự do bóc lột, tức là đạo Tin Lành (Protestant)”.

Nhận xét này đã phản ánh đúng về cơ bản, lí do chính trị - xã hội của sự xuất hiện đạo Tin Lành trong cuộc vận động cải cách tôn giáo ở Châu Âu.

b) Về góc độ tôn giáo, tác giả cũng phân biệt được tính cách của đạo Tin

Lành so với *Công giáo* (mà ông gọi là *Thiên Chúa giáo*, với *Tin Lành* ông còn gọi là *đạo Cơ Đốc*, theo lối gọi của người Trung Quốc). Ông viết: “Giai cấp tư bản cố vận động cải cách đạo Thiên Chúa thành đạo Cơ Đốc. Theo đạo Cơ Đốc dễ dàng hơn, tự do hơn theo đạo Thiên Chúa. Cũng một đức Chúa ấy, song ở chế độ phong kiến thì nó tiêu biểu tinh thần chuyên chế, song ở chế độ tư bản nó cần phải tiêu biểu cho tinh thần tự do của tự do. Đó là sự biến hoá của tôn giáo *thiên chủ* (trong nguyên văn - ĐQH) trong lịch sử cận đại).

Nghĩa là Nguyễn Văn Cừ đã hiểu rõ tính cách cơ bản của thần học, triết lí Tin Lành. Sự phân tích sáng rõ như thế, chứng tỏ ông đã biết đến mệnh đề “ở đâu có Tin Lành ở đó có tự do” (Tocqueville) mà giai cấp tư sản Mỹ - Âu cố khai thác triệt để.

Tác phẩm này của Nguyễn Văn Cừ ra đời đúng lúc chủ nghĩa phát xít đang gào thét chiến tranh, cả Châu Âu đang náo động, nín thở chờ cuộc chiến.

Tác giả không quên vấn đề tôn giáo trong bối cảnh ấy: “Một bên giai cấp tư bản gây ra đói rét, gây ra chiến tranh cướp bóc tàn sát đầy trời, gây ra những vụ khủng bố chém giết, một bên bọn cố đạo thầy tu vẽ ra những vị lai của linh hồn để kéo họ ra khỏi hành động cách mạng, tinh thần cách mạng và phá hoại hành động cách mạng của quần chúng”.

Nếu đối chiếu nhận xét này với thái độ của Toà Thánh Vatican, với chủ nghĩa phát xít lúc đó, thì quả là một nhận xét rất đúng.

Tác giả còn phân tích có tính châm biếm thêm: “Cố đạo, thầy tu, sư cả khuyên dân chúng làm đạo đức nhân từ, đồng thời cuộc chiến tranh hay vụ bắn giết những chính trị phạm hay thường phạm thì giai cấp thống trị lại mời cố đạo, sư cả đọc kinh cầu nguyện cho linh hồn “sung sướng”, đó là đạo đức của tư bản”.

### 2.5. Tôn giáo ở Đông Dương

Chúng ta hẳn đều rất muốn biết, những người mácxít thế hệ đầu tiên này nghĩ gì về tôn giáo ở Việt Nam, ở Đông Dương.

Đây là nhận xét phác hoạ “hệ thống tôn giáo” ở đây: “Đông Dương là một xứ có nhiều tôn giáo đông tây góp lại; các thứ Thần Phật, Khổng giáo, cúng Tổ tiên, thờ Thiên Chúa, Cơ Đốc và gần đây lại có một thứ đạo Cao Đài, có thể nói là một thứ đạo do điều kiện tôn giáo phức tạp, người ta muốn góp nhặt các thứ tôn giáo để lập thành một thứ thuốc phiện riêng cho dân tộc Việt Nam”.

Có lẽ Nguyễn Văn Cừ chưa nghe nói đến Phật giáo Hoà Hảo. Nhưng ông lại tỏ ra đặc biệt quan tâm đến tình hình Cao Đài, kể cả vụ “cô Diệu Minh tuyệt thực 100 ngày để tuyên truyền cổ động cho đạo Cao Đài”. Ông cũng thẳng thừng lật tẩy “nếu bỏ cô Diệu Minh vào một “Toà Thánh” khoá chặt cửa lại, có người canh gác như nhà thống trị ở đây canh gác nhà tù, thì sau 7 ngày mở cửa ra, cô Diệu Minh chỉ còn lại một xác thối lạnh như đồng, “linh hồn” đã sớm lên thiên đàng rồi...”.

Khía cạnh *mê tín* trong tôn giáo, bao giờ cũng là thời sự thường xuyên. Ở thời điểm ấy, Nguyễn Văn

Cừ cũng thấy cần phải khẳng định một căn bản khoa học trong sự nhìn nhận sinh hoạt tôn giáo chân chính hoặc lợi dụng thói mê tín của người dân để trục lợi.

### 2.6. Tôn giáo với xã hội chủ nghĩa

Nguyễn Văn Cừ không chỉ đọc, vận dụng Lenin. Ông còn nghiên cứu cả vấn đề tôn giáo và chủ nghĩa xã hội, trước hết là ở Liên Xô. Điều này ông cũng tỏ ra nhạy bén và bao quát hơn Nguyễn An Ninh.

Trước hết, ông có 2 nhận xét về vấn đề tôn giáo ở Liên Xô, đất nước “chiếm trên một phần 6 quả địa cầu đã nhường chỗ cho xã hội mới” và làm *đổ trúc* chủ nghĩa tư bản!

*Thứ nhất*, ông cho rằng: “Ở Liên Xô, nền kinh tế chính trị văn hoá phát triển bùng nổ, nhất là khoa học phát triển mau chóng, một ngày ngàn dặm, nền văn hoá lên cao ngàn trượng. Bởi vậy mà tôn giáo không chỗ bám, ở đó không ai cấm tự do tín ngưỡng mà tôn giáo vẫn cứ tuyệt tích dần dần”.

Thái độ lạc quan này khi nhìn vào Liên Xô, chẳng cứ vấn đề tôn giáo, là điều dễ hiểu. Nhất là thời điểm Đại chiến đến gần.

*Thứ hai*, Ông cũng khẳng định, chủ nghĩa xã hội và sau đó là chủ nghĩa Cộng sản là “xã hội chân chính tự do của loài người”, chính là con đường duy nhất đúng để xoá bỏ dần tôn giáo, “Đó là bước đường đấu tranh và quan điểm của nhân dân Xô viết và nhân dân toàn thế giới đối với vấn đề tôn giáo”.

Về điểm này, đó là sự lạc quan có phần thơ ngây dù chân thành của

những người mác xít, nhưng rất mãnh liệt.

Để kết thúc tác phẩm, đúng với chủ đề *tôn giáo và xã hội*, Nguyễn Văn Cừ đã phác ra đường hướng đấu tranh của Đảng và cách mạng nước ta, nói cách khác là thái độ chung với vấn đề tôn giáo: “Đứng trước tình cảnh ấy những thái độ tiêu cực ôn hoà của những kẻ có lương tâm tín ngưỡng đạo đức cao thượng của tôn giáo thiết không thể cứu vớt được xã hội tối tăm phản động này. Bởi vậy hết thấy mọi người, vô luận tín ngưỡng tôn giáo nào xu hướng chính trị nào cũng cần phải bắt tay nhau tích cực tranh đấu mới cứu vớt nhân loại khỏi tăm tối kịch của bọn phát xít, bọn đế quốc đã gây ra và đương hăm dọa làm nó lan tràn khắp thế giới”.

### 3. Vài nhận xét

- *Thứ nhất*, đây là một tác phẩm quý hiếm trong kho tàng lí luận của Đảng ta, đặc biệt trong lĩnh vực tôn giáo trước khi trở thành Đảng cầm quyền.

Có thể nói sau những ý kiến về tôn giáo của Nguyễn Ái Quốc, tác phẩm này của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ là có vị trí đáng kể nhất. Tiếp theo Nguyễn An Ninh và *vượt lên* Nguyễn An Ninh ở một số mặt, tác phẩm *Tôn giáo với xã hội loài người* của Nguyễn Văn Cừ vừa là di sản lí luận của Đảng ta vừa là một *đấu son* trong sự nghiệp nghiên cứu lí luận của ông mà chúng ta cần nghiên cứu, tôn vinh.<sup>(16)</sup>

16. Năm 2002, trong khuôn khổ sách về các lãnh tụ của Đảng, Nxb CTQG đã cho ra mắt cuốn: *Nguyễn Văn Cừ, nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng và cách mạng Việt Nam*, 708 tr.

- Thứ hai, tác phẩm *Tôn giáo với xã hội loài người* của Nguyễn Văn Cừ thực sự là tác phẩm đầu tiên của người cộng sản Việt Nam, kể từ khi thành lập Đảng, vận dụng tốt các quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề tôn giáo để nghiên cứu lí luận về tôn giáo (triết học, xã hội học) và đặc biệt là lịch sử tôn giáo (thế giới và Việt Nam).

Trong nghiên cứu và thể hiện, tác giả tỏ ra hiểu biết sâu rộng lịch sử tôn giáo thế giới, các quan điểm lý luận cơ bản về tôn giáo học và thực tiễn tôn giáo thế giới và Việt Nam, đã thực sự tạo ra cái nhìn mới mẻ lúc đó về vấn đề tôn giáo.

- Thứ ba, dù còn chịu ảnh hưởng (dương nhiên) một số quan điểm *tả khuynh* về tôn giáo trong bối cảnh thời đại và nhất là của Quốc tế Cộng sản lúc đó (khi tác phẩm vừa xuất bản, cũng là lúc Quốc tế Cộng sản sắp tuyên bố tự giải tán), nhưng những quan điểm của Nguyễn Văn Cừ về *Tôn giáo với xã hội*, vẫn có những giá trị lâu dài và trong đó, có những tư tưởng xuất chúng; đột xuất. Không hoàn toàn hiểu mệnh đề “tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân” theo nghĩa tiêu cực lạc hậu, phải xoá bỏ nó - dù vẫn có niềm tin về sự xoá bỏ tôn giáo trong xã hội cộng sản tương lai - ông còn thấy mặt

tích cực là “tính phản kháng” của nó trong nghiên cứu đạo Tin Lành trong cách mạng tư sản Châu Âu và đặc biệt, thừa nhận “những giá trị đạo đức, nhân văn” của nhiều tôn giáo.

- Thứ tư, trong điều kiện cách mạng Việt Nam bắt đầu chuyển hướng chỉ đạo chiến lược vào nhiệm vụ giải phóng dân tộc, phấn đấu cứu nước, trong đó sẽ đặc biệt phải nêu cao nhiệm vụ cao cả giành lại độc lập, tạm gác nhiệm vụ phản phong, thực hiện đại đoàn kết dân tộc, với mẫn cảm và tâm nhìn chính trị của một Tổng Bí thư Đảng, Nguyễn Văn Cừ đã bộc lộ quan điểm đúng đắn, cần thiết là *đặt vấn đề tôn giáo trong các nhiệm vụ giải phóng dân tộc, cứu quốc*, chống phát xít, tạm gác những xung đột ý thức hệ, tôn giáo, v.v...

Với Nguyễn Văn Cừ những suy nghĩ ấy còn ở dạng “tiềm ẩn”. Rất tiếc khi lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về nước, Người sẽ hoàn chỉnh và nâng cao những vấn đề chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cho cuộc vận động Cách mạng Tháng Tám trong đó có vấn đề tôn giáo, đoàn kết dân tộc và tôn giáo kể từ mùa xuân 1941, thì cũng là lúc người học trò xuất sắc của Người, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ hi sinh trước mũi súng quân thù ở trường bắn ngoại vi Sài Gòn./